

YÊN BÁI VỚI CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG CÁN BỘ NỮ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

■ TRỊNH HẢI (*)

Yên Bái là một tỉnh miền núi, dân số trên 74 vạn người, gồm 30 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh chiếm 49,6%, dân tộc Tày chiếm 15,58%, dân tộc Dao chiếm 13%, dân tộc Mông chiếm 8,9%, dân tộc Thái 6,76% và các dân tộc khác. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Yên Bái xác định công tác cán bộ tại cơ sở luôn là yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế bền vững tại địa phương, từ đó quan tâm lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ về công tác đào tạo, sử dụng cán bộ nữ và cán bộ là người dân tộc thiểu số, chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ người dân tộc thiểu số nhằm nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ nữ và cán bộ là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Năm 1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 257 về việc trợ cấp đối với cán bộ được điều động, luân chuyển và đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn, trong đó mức phụ cấp cho cán bộ nữ được quy định cao hơn so với cán bộ nam, đảm bảo tỷ lệ nữ trong các chỉ tiêu đào tạo, ưu tiên cử cán bộ nữ đi đào tạo, bồi dưỡng (nếu chỉ tiêu đào tạo hạn chế). Năm 2006, UBND tỉnh Yên Bái có Quyết định số 494/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững tỉnh Yên Bái, trong đó định ra chỉ tiêu tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các cấp năm 2010 chiếm từ 15% trở lên, tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND cấp tỉnh từ 33% trở lên, cấp huyện từ 30% trở lên, cấp xã từ 25% trở lên.

Năm 2007 Tỉnh ủy Yên Bái có Chương trình hành động số 36-CTr/TU về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về "Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", trong đó đề ra mục

tiêu cụ thể như: Đến năm 2015 tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các cấp đạt 20% trở lên, đến năm 2020 đạt 25% trở lên. Nhiệm kỳ 2011-2015, tỷ lệ nữ tham gia HĐND các cấp đạt 35% trở lên, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội; tỷ lệ nữ tham gia UBND cấp tỉnh, huyện đến năm 2015 đạt 30% trở lên. Đến năm 2020, cấp huyện có chủ tịch hoặc phó chủ tịch HĐND, UBND là nữ đạt 35% trở lên. Phấn đấu hàng năm có trên 40% số đảng viên được kết nạp là nữ, chú trọng kết nạp đảng viên nông thôn, nữ là dân tộc thiểu số.

Hiện nay, Yên Bái có 4 đại biểu Quốc hội khoá XII, trong đó có 2 nữ dân tộc thiểu số. Trong 51 đại biểu HĐND tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2004-2009 có 19 đại biểu là nữ (37,2%), trong đó có 12 đại biểu nữ là người dân tộc thiểu số chiếm 23,5%. Hầu hết cán bộ nữ người dân tộc tham gia HĐND tỉnh đều có trình độ khá cao (75% có trình độ phổ thông trung học; 33,3% có trình độ đại học; 4 người đã qua đào tạo chính trị cao cấp (33,3%). HĐND cấp huyện có 40 đại biểu nữ người dân tộc thiểu số chiếm 13,8%, có 12 người đã tốt nghiệp đại học (30%), 4 người có trình độ chính trị cao cấp (10%), 3 người là cán bộ chủ chốt cấp huyện, chiếm 6,5%.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền, đại bộ phận cán bộ nữ và cán bộ là người dân tộc thiểu số đã phát huy tốt phẩm chất đạo đức cách mạng và năng lực của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao, có lối sống lành mạnh, tinh thần đoàn kết, được nhân dân tin yêu. Luôn nêu cao vai trò trách nhiệm của người đại biểu đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân, sâu sát với nhân dân, tham gia tích cực vào việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương và các hoạt động xã hội.

Tuy nhiên, do đặc thù là một tỉnh miền núi, điều kiện tự nhiên phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, kinh tế chậm phát triển, với trên 51% dân số là dân tộc ít người trình độ dân trí thấp,

(*) Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái

số cán bộ là người dân tộc thiểu số chưa qua đào tạo còn chiếm tỉ lệ cao. Đáng chú ý, một số cán bộ ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa chưa nói thông, viết thạo tiếng phổ thông nên hạn chế trong việc tiếp thu và triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Mặt khác cán bộ nữ còn chịu ảnh hưởng bởi phong tục tập quán lạc hậu, tư tưởng phong kiến ràng buộc dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao. HĐND cấp xã có 984 đại biểu nữ chiếm 22,8%, đại biểu nữ là người dân tộc thiểu số có 495 người chiếm 11,5%. Trong số đại biểu nữ là người dân tộc thiểu số vẫn còn 28,6% có trình độ văn hoá tiểu học; hầu hết chị em chưa qua đào tạo về chuyên môn (94,8%) và chưa qua đào tạo chính trị (81,6%). Cán bộ chủ chốt cấp xã, phường mới chỉ có 16 cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ rất thấp (2,06%).

Thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Tỉnh ủy, HĐND, UBND đề ra một số

giải pháp chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số như: kết hợp nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đào tạo tập trung, đào tạo tại chức, đào tạo dài hạn, đào tạo ngắn hạn, đào tạo ở trung ương, tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và ở cơ sở để tạo điều kiện cho cán bộ lựa chọn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình. Quan tâm đến chính sách cử tuyển và quản lý chặt chẽ, bố trí sử dụng đúng địa chỉ được xét tuyển đối với số học sinh, sinh viên được cử tuyển sau khi tốt nghiệp ra trường. Có chính sách chọn cán bộ dự nguồn là cán bộ dân tộc thiểu số để đào tạo, bồi dưỡng; đối với đại biểu đang tham gia hoạt động công tác tại địa phương có các lớp bồi dưỡng riêng phù hợp với trình độ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Đối với nữ đại biểu, nữ cán bộ là người dân tộc thiểu số đang hoạt động ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn có chính sách đãi ngộ phù hợp □

QUẢNG NGÃI ĐẦY MẠNH...

(Tiếp theo trang 37)

Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 29/8/2007 của UBND tỉnh.

- Thực hiện luân chuyển, điều động thay đổi vị trí công tác đối với cán bộ theo nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ban hành các cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy.

- Thông qua cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" làm cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức tận tâm, tận lực với công việc và đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong quan hệ giải quyết công việc.

- Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 trong hoạt động một số cơ quan hành chính đã được chỉ đạo làm điểm, trên cơ sở đó nhân ra diện rộng. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong

hoạt động của cơ quan nhà nước, giảm dần việc phát hành văn bản bằng giấy, tổ chức giao ban trực tuyến qua truyền hình với các địa phương trong tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, thành phố quản lý để giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính cho các đơn vị theo quy định của Chính phủ.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính. Kiên quyết xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật hành vi vi phạm của những cán bộ, công chức, viên chức thoái hoá, biến chất, vô trách nhiệm, nhũng nhiễu gây khó khăn cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phổ biến các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về cải cách hành chính; phát huy vai trò tích cực của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thúc đẩy các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo đủ nguồn lực (con người, kinh phí) cho công tác cải cách hành chính □